TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2018/DS-ST
Ngày: 24-9-2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Y
2. Ông Nguyễn Đức Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969
Địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Lệ Th, sinh năm 1961
Địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt; bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 26 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2015, chị có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Lệ Th làm chủ hụi các dây hụi sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000đồng/tháng, khởi khui ngày 05/7/2015, gồm 22 phần, chị tham gia 02 phần, chị đã đóng được 05 kỳ hụi sống với số tiền 7.000.000đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000đồng/nửa tháng, khởi khui ngày 01/7/2015, gồm 24 phần, chị tham gia 02 phần, chị đã đóng được 10 kỳ hụi sống với số tiền 13.300.000đồng.

Dây hụi thứ 3: Hụi 500.000đồng/nửa tháng, khởi khui ngày 05/9/2015, chị tham gia 02 phần, chị đã đóng được 05 kỳ hụi sống với số tiền 3.000.000đồng.

Dây hụi thứ 4: Hụi 100.000đồng/ngày, khởi khui ngày 06/10/2015, gồm 50 phần, chị tham gia 15 phần, chị đã đóng được 42 ngày với số tiền 56.700.000đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi trên chị đã đóng cho bà Th được 80.000.000đồng thì hụi bể. Bà Th không giao tiền hụi cho chị mà bỏ trốn. Đến ngày 22/12/2015, bà Th có viết biên nhận với nội dung xác nhận còn nợ chị số tiền 80.000.000đồng và hứa gom tiền hụi chết rồi trả dần lại cho hụi viên nhưng không thực hiện.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Lệ Th phải trả số tiền nợ hụi là 80.000.000đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Lệ Th: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Lệ Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Vào năm 2015, chị Nguyễn Thị T có tham gia chơi 04 dây hụi do bà Nguyễn Lệ Th làm chủ. Tổng cộng 04 dây hụi chị T đã đóng hụi sống cho bà Th là 80.000.000đồng. Tuy nhiên, do hụi bể nên bà Th không giao tiền hụi cho chị T mà bỏ trốn. Đến ngày 22/12/2015, bà Th có viết biên nhận với nội dung xác nhận còn nợ chị T số tiền 80.000.000đồng và hứa trả dần nhưng không thực hiện. Lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có

ý kiến phản đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Th còn nợ chị T số tiền hụi là 80.000.000đồng.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền cho nguyên đơn nhưng bị đơn đã cố tình lẩn trốn không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ hoàn trả của chủ hụi cho hụi viên. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn mà không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Lệ Th có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Lệ Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T số tiền là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện trả hoàn tất ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Lệ Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Lệ Th phải chịu 4.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0008252 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc